

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-PT

Ngày: 23 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên.

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Năm.

Bà Nguyễn Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thiết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 40/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2024/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm tóc; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Trương Thị Ngọc D và 03 người con; tiền sự: không.

- Nhân thân: ngày 28/3/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 172/2008/HSPT, chấp hành xong hình phạt ngày 03/2/2010; nộp án phí xong năm 2008.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:*

- *Bị hại:* ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* ông Lê Văn N, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V.

- *Nguyên đơn dân sự:* bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1968; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tuấn K là con ông Nguyễn Văn C, biết được việc ông C và ông Nguyễn Văn B, cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có tranh chấp đất đai (ông B và bị cáo có quan hệ anh em chú bác ruột), bị cáo cho rằng vợ của ông B là bà Phạm Thị T1 chửi ông C nên bị cáo nhiều lần gọi điện thoại cho ông B để nói chuyện, nhưng không nói chuyện được.

Khoảng 07 giờ ngày 09/02/2023, bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 63B8-166.98 đi từ nhà, địa chỉ Khu D, thị trấn T, huyện T về xã T tìm ông B nói chuyện, bị cáo K chạy đến quán cà phê của ông Nguyễn Tư B1 tại ấp B, xã T, huyện T uống cà phê cùng với Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Q (anh thứ hai và thứ năm của bị cáo), đến khoảng 09 giờ cùng ngày bị cáo thấy ông B điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 64F1-217.04 chở dì vợ là Văn Thị C1, ngụ ấp V, xã V, huyện T chạy ngang, bị cáo K lấy xe mô tô chạy theo ông B, khi đến đoạn trước nhà ông Nguyễn Văn M thuộc ấp B, xã T thì bị cáo K chạy vượt qua và dừng trước đầu xe ông B, ông B dừng xe lại bước xuống xe, bà C1 đứng cạnh sau xe ông B. Bị cáo K bước xuống xe hỏi lý do vì sao vợ ông B thường xuyên chửi cha mẹ mình thì hai bên xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau, bị cáo K dùng tay đánh trúng vùng mặt trái ông B, ông B chống trả lại, bị cáo K dùng tay đỡ làm trúng ngón tay giữa rồi bị trượt té xuống lộ, bên cạnh có đồng củi (loại củi cam và chôm chôm) của ông Lê Văn N1 đang phơi trên lề lộ nên bị cáo K cầm cây củi dài khoảng 36cm đứng lên đánh ông B trúng vào ngón III tay trái và hông trái làm đoạn gỗ bị gãy, lúc này có ông Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Tấn T2 và Nguyễn Hoàng Q1 (là con và rể ông M) ra can ngăn, bị cáo K tiếp tục nhặt gạch gần đó (loại gạch ống) cầm trên tay định đánh ông B thì được anh T2 ôm lại và giật cục gạch bỏ xuống đất. Bị cáo K điều khiển xe về nhà. Sau đó, ông B được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh V, đến ngày 28/3/2023 ông B có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Tuấn K.

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 157/KLTTCT-TTPY ngày 18/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh V, kết luận đối với Nguyễn Văn B:

1. Các kết quả chính:

- Chấn thương vùng mặt trái do vật tày gây nên, hiện tại hồi phục, không dấu hiệu chính. Tỷ lệ: 00%.
- Chấn thương vùng mạn sườn trái do vật tày gây nên, hiện tại biến đổi sắc tố da kích thước 4 x 2cm, không ảnh hưởng thẩm mỹ, không cố tật. Tỷ lệ 01%.
- Chấn thương cẳng tay do vật tày gây nên, hiện tại không dấu chấn thương. Tỷ lệ 00%.
- Chấn thương ngón III tay trái do vật tày gây nên, hiện tại hạn chế gấp ngón III. Tỷ lệ: 01%.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể sử dụng trong giám định pháp y. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn B tại thời điểm giám định là: 02% áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) đoạn gỗ tròn dài 55cm, đường kính 4,3cm, trọng lượng 850gam.
- 01 đoạn gỗ dài 14 cm, đường kính 2,5cm, trọng lượng 20 gam.
- 01 đoạn gỗ dài 22 cm, đường kính 2,5cm, trọng lượng 40 gam.
- 03 đoạn gỗ có đặc điểm (01 đoạn dài 38 cm, đường kính 2,5cm; trọng lượng 100gam; 01 đoạn dài 37,5cm, đường kính 03cm, trọng lượng 140gam; 01 đoạn dài 36cm, đường kính 03cm, trọng lượng 100gam).

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Văn B yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn K bồi thường tổng số tiền là 54.752.300 đồng, gồm các chi phí: tiền thuốc và viện phí là 6.302.300 đồng; tiền chi phí đi lại khám chữa bệnh 03 lần x 700.000 đồng = 2.100.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần bằng 15 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng = 23.350.000 đồng; tiền mất thu nhập 60 ngày x 400.000 đồng = 24.000.000 đồng. Bị cáo thống nhất bồi thường tiền thuốc điều trị và đã nộp khắc phục 10.000.000 đồng, các khoản khác bị cáo không đồng ý.

Bà Phạm Thị T1 yêu cầu tiền mất thu nhập do chăm sóc ông B là 06 ngày x 300.000 đồng = 1.800.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Tuấn K yêu cầu ông B bồi thường tổng số tiền 47.400.000 đồng, gồm các khoản chi phí: 60 ngày x 700.000 đồng = 42.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 03 tháng lương cơ sở x 1.800.000 đồng = 5.400.000 đồng, ông Ba k đồng ý. Sau đó, bị cáo K đã tự nguyện rút lại yêu cầu ông B bồi thường các khoản chi phí trên.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 06/2024/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31/01/2024.

Giao người bị kết án Nguyễn Tuấn K cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục, trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584, 585, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn B số tiền 25.802.300 đồng

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ bồi thường tiền mất thu nhập cho bà Phạm Thị T1 số tiền 1.800.000 đồng.

Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Tuấn K nộp khắc phục hậu quả 10.000.000 đồng tiếp tục giao cho Cơ quan thi hành án dân sự huyện T quản lý để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 02 năm 2024, bị hại ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị xử phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K và buộc bị cáo K bồi thường tổng số tiền 59.402.300 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại ông Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trợ giúp viên pháp lý Lê Văn N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng mức án treo là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, chưa đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo nên đề nghị

chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc chuyển hình phạt tù đối với bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự: đề nghị chấp nhận mức bồi thường bị hại yêu cầu là 59.402.300 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; nhận thấy, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại B tiền thuốc và viện phí 6.302.300 đồng, tiền khám chữa bệnh 2.100.000 đồng, tiền mất thu nhập trong thời gian 30 ngày: 30×400.000 đồng/ngày = 12.000.000 đồng. Tiền tổn thất tinh thần bằng 03 tháng lương cơ sở: $03 \times 1.800.000$ đồng/tháng = 5.400.000 đồng. Tổng cộng bồi thường 25.802.300 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, bởi lẽ bị cáo gây thương tích cho bị hại B chỉ 02%, nguyên nhân xảy ra có một phần lỗi của bị hại do xuất phát từ tranh chấp đất đai giữa vợ chồng bị hại và gia đình bị cáo, vợ bị hại B thường xuyên cãi vã, cự cãi với cha mẹ bị cáo, trong khi hai bên gia đình có quan hệ họ hàng gần gũi, bị hại B là cháu ruột của ông C. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn B.

Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn B; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 06/2024/HS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 09 (chín) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31/01/2024.

Giao người bị kết án Nguyễn Tuấn K cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào các Điều 584, 585 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại B số tiền 25.802.300 đồng, được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng do Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

Về án phí: bị hại Nguyễn Văn B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc phẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: người kháng cáo là bị hại Nguyễn Văn B đã được triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị hại B đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã xác định: khoảng 09 giờ ngày 09/02/2023, trước cửa nhà ông Nguyễn Văn M thuộc ấp B, xã T, huyện T, bị cáo Nguyễn Tuấn K xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau với bị hại Nguyễn Văn B, bị cáo K đã dùng cây củi dài khoảng 36cm đánh trúng vào ngón III tay trái và hông trái của bị hại B gây thương tích 02%; bị hại B có đơn yêu cầu khởi tố đối với bị cáo K. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo K về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn B về việc xử phạt tù đối với bị cáo K, nhận thấy: nguyên nhân dẫn đến sự việc xuất phát từ mâu thuẫn giữa cha mẹ bị cáo với gia đình bị hại, vợ bị hại nhiều lần có lời lẽ thô tục chửi cha mẹ bị cáo nên bị cáo đã có hành vi gây thương tích cho bị hại, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để tuyên phạt bị cáo; mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo cũng như đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại. Về điều luật áp dụng: cấp sơ thẩm vừa áp dụng Điều 38 là hình phạt tù có thời hạn, vừa áp dụng Điều 65 là hình phạt án treo là chưa chính xác, chỉ cần áp dụng một điều luật là đủ. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 59.402.300 đồng gồm các khoản chi phí: tiền thuốc và viện phí: 6.302.300 đồng; tiền thuê xe đi điều trị 03 lần x 700.000 đồng = 2.100.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần: 15 tháng lương cơ sở x 1.800.000 đồng = 27.000.000 đồng; tiền mất thu nhập: 60 ngày x 400.000 đồng = 24.000.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại tiền thuốc và viện phí: 6.302.300 đồng; tiền thuê xe đi điều trị 03 lần x 700.000 đồng = 2.100.000 đồng, nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về phần chi phí mất thu nhập: theo hồ sơ thể hiện bị hại vào viện ngày 15/02/2023, ra viện ngày 20/02/2023, không có phiếu chỉ định tái khám và cũng không có chỉ định của bác sĩ về thời gian dưỡng bệnh để phục hồi sức khỏe, nên việc cấp sơ thẩm xem xét tiền mất thu nhập là 30 ngày x 400.000đ/ngày = 12.000.000 đồng là phù hợp cũng như đủ thời gian để bị hại phục hồi sức khỏe nên không có cơ sở chấp nhận.

Việc bị cáo dùng đoạn gỗ gây thương tích cho bị hại tại vị trí ngón III tay trái và hông trái với tỷ lệ 02% gây tổn thất tinh thần và hoang mang đối với bị hại nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần bằng 03 tháng lương cơ sở x 1.800.000 đồng = 5.400.000 đồng là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

[6] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về án phí: không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn B; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 06/2024/HS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 09 (chín) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31/01/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn K cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584, Điều 585; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn B số tiền 25.802.300 đồng

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005020 ngày 10/01/2024; biên lai thu số 0005022 ngày 22/01/2024 và số tiền 6.580.000 đồng theo biên lai thu số 0005039 ngày 22/4/2024 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bị cáo Nguyễn Tuấn K nộp để đảm bảo thi hành án.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC + VKSNDTC: 02;
- TANDCC + VKSNDCC: 02;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H T: 02;
- VKSND + CQĐT H T 02;
- CQTHADS +THAHS H T: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND, CA thị trấn T: 02;
- Lưu VP, P.KTNV: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Duyên